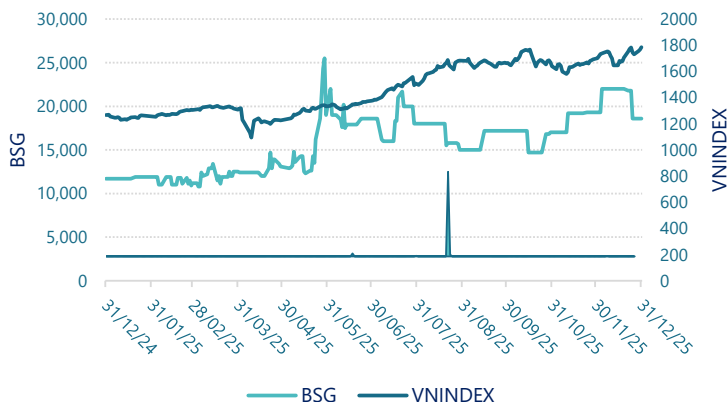




CTCP Xe khách Sài Gòn (UPCOM: BSG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,800
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,116
P/E	336.4
EPS	55

DT thuần

Q4/25

98.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.4 | -10.3%

YoY: ▼61.4 | -38.3%

LN sau thuế

Q4/25

-8.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.4 | -481%

YoY: ▼22.9 | -165%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.8%

+/- YoY: ▼ 6.4%

DT thuần

2025

436

tỷ VNĐ

YoY: ▼192 | -30.5%

LN sau thuế

2025

3.32

tỷ VNĐ

YoY: ▼41.6 | -92.6%

ROE

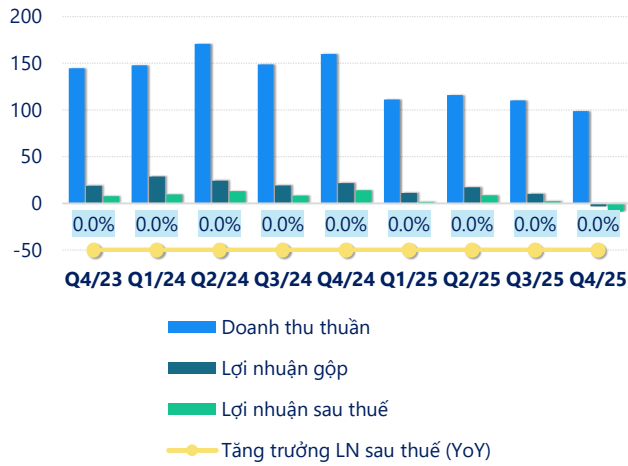
2025

0.9%

+/- YoY: ▼ 11.8%

tỷ VNĐ

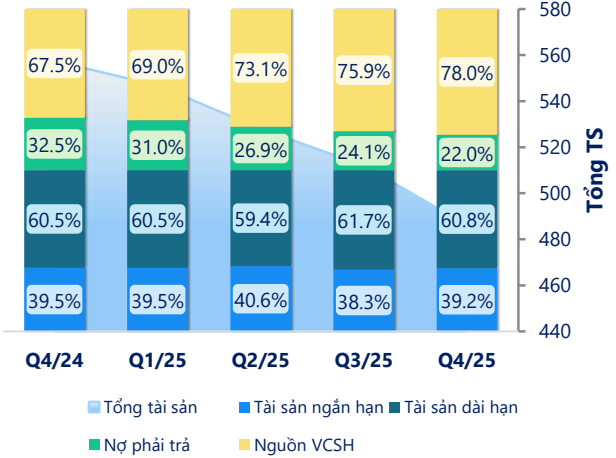
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

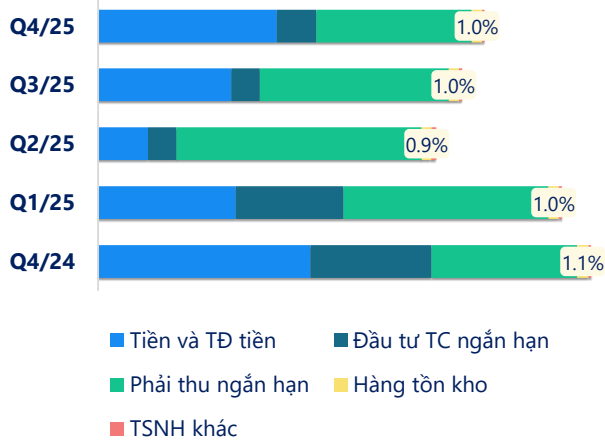
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



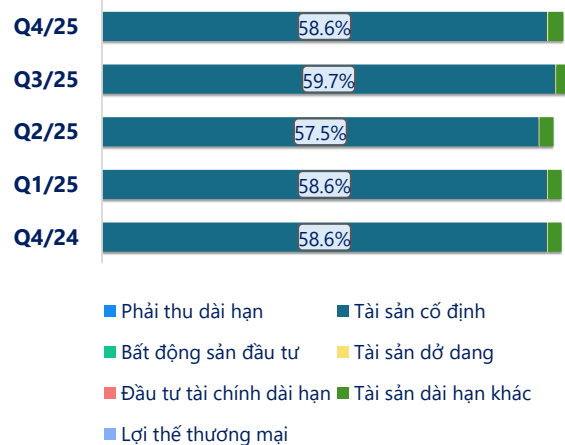
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

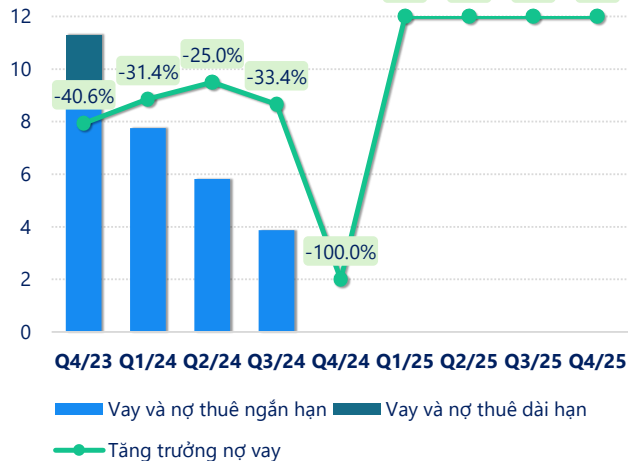
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

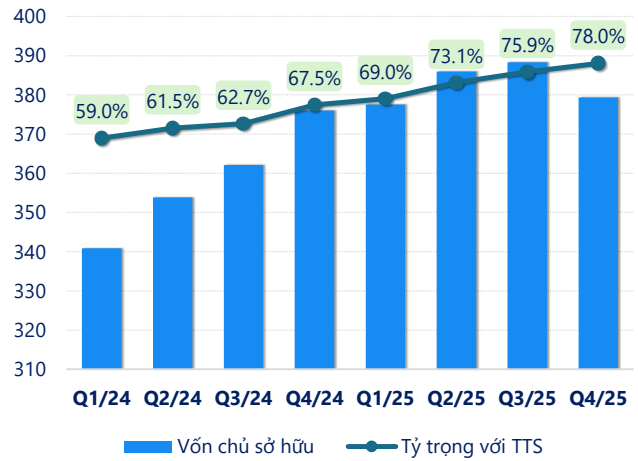
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

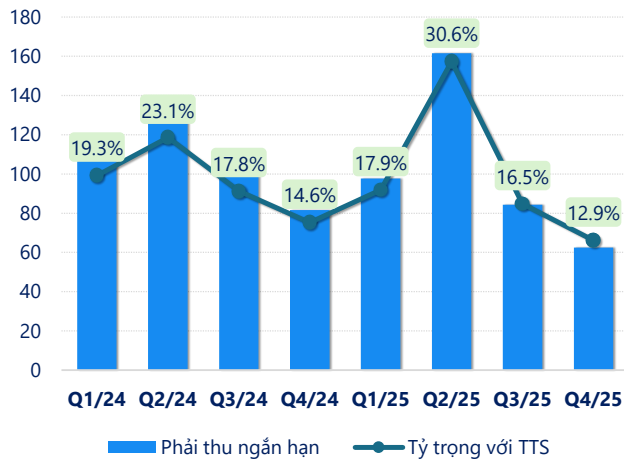
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



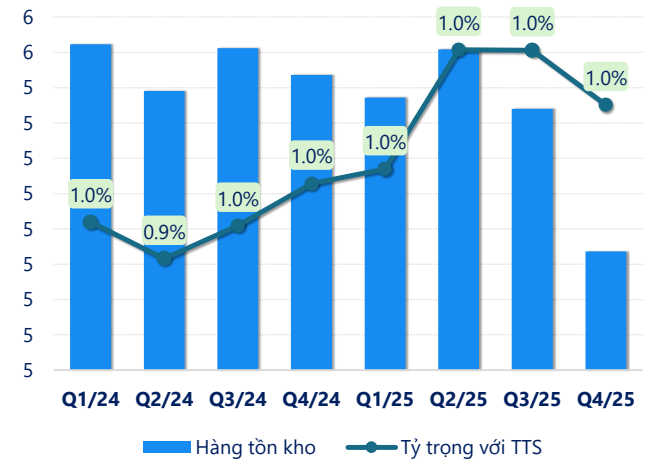
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


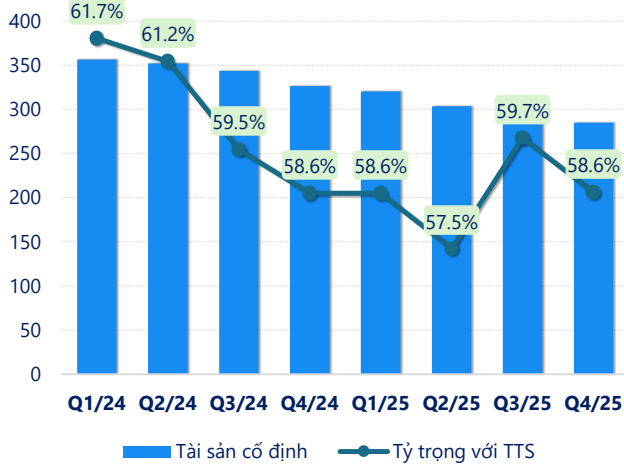
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


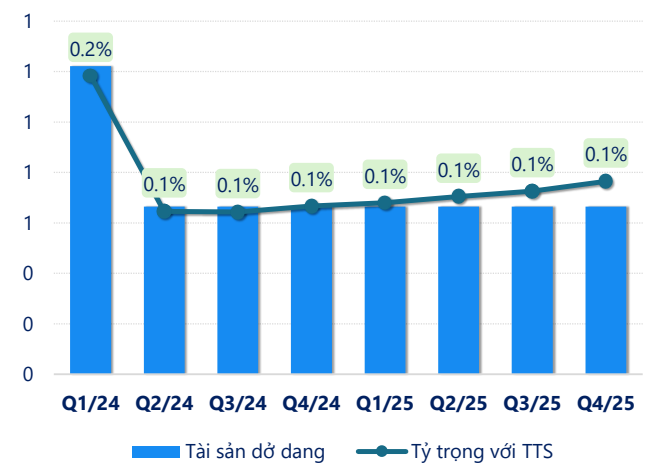
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

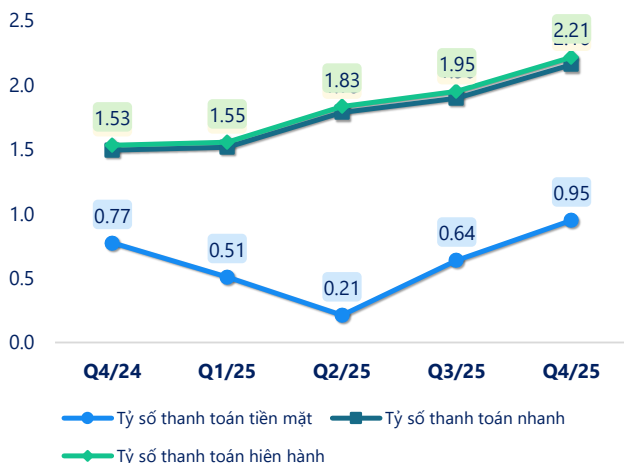
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

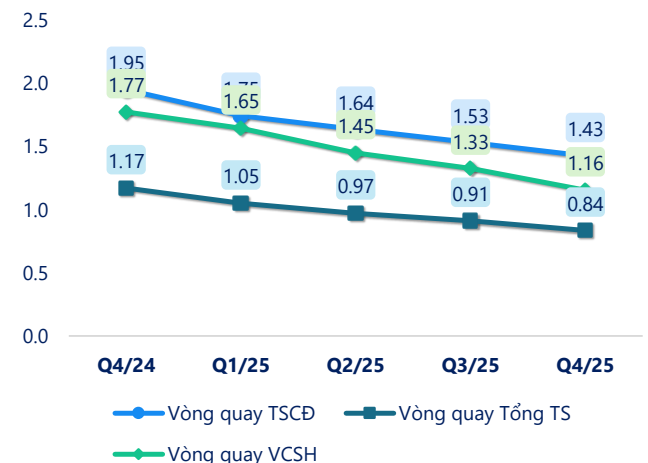
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	557	547	528	512	486
Tài sản ngắn hạn	220	216	214	196	191
Tiền và tương đương tiền	111	70.8	24.8	64.1	81.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.7	40.7	20.5	40.5	40.5
Phải thu ngắn hạn	81.5	97.6	162	84.3	62.5
Hàng tồn kho	5.44	5.37	5.51	5.34	4.94
Tài sản ngắn hạn khác	1.22	1.45	1.85	1.97	1.16
Tài sản dài hạn	337	331	314	316	295
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	327	320	304	306	285
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.66	0.66	0.66	0.66	0.66
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.0	9.81	9.64	9.47	9.79
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	181	169	142	124	107
Nợ ngắn hạn	144	139	117	101	86.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	70.4	80.0	68.6	46.9	33.9
Nợ dài hạn	37.6	30.3	25.2	22.9	20.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	376	378	386	388	379
Vốn chủ sở hữu	376	378	386	388	379
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)